

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
TIỀN PHONG

----o-0-o-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-----oOo-----

## **ĐIỀU LỆ**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 03 năm 2009 dựa trên các căn cứ sau:

- Tổ chức lại Công ty theo mô hình công ty Mẹ-con
- Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển kỹ thuật cao ITD được thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1999 và bản sửa đổi ngày 10 tháng 08 năm 2002.
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua tại kỳ họp thứ 8

## Mục lục

<b>CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>1</b>
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
Điều 2. Hình thức Công ty	1
Điều 3. Danh hiệu, trụ sở	2
Điều 4. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh	2
Điều 5. Cổ đông sáng lập công ty	4
Điều 6. Thời hạn hoạt động	4
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	4
<b>CHƯƠNG 2. VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG</b>	<b>6</b>
Điều 8. Vốn Điều lệ	6
Điều 9. Vốn vay mượn	7
Điều 10. Vốn khác	7
Điều 11. Hình thức cổ phần, cổ phiếu	7
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông	8
Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	10
Điều 15. Cổ phiếu ngân quỹ và việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	11
Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	11
Điều 17. Cổ đông	12
Điều 18. Trả cổ tức	14
Điều 19. Tham gia thị trường chứng khoán	15
Điều 20. Phát hành trái phiếu	15
<b>CHƯƠNG 3. THỂ THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>16</b>
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty:	16
Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 28.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 29.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 30.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 31.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
<b>CHƯƠNG 4.</b>	<b>QUẢN LÝ CÔNG TY</b>	<b>26</b>
Điều 32.	Hội đồng quản trị	26
Điều 33.	Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	27
Điều 34.	Hoạt động của Hội đồng quản trị	29
Điều 35.	Biên bản họp Hội đồng quản trị	30
Điều 36.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 37.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 38.	Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 39.	Ban kiểm soát	33
Điều 40.	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 41.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	35
Điều 42.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 43.	Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	35
Điều 44.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát	36
Điều 45.	Thư ký công ty:	36
Điều 46.	Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty:	37
Điều 47.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	37
Điều 48.	Tổng giám đốc	38
Điều 49.	Lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	39
Điều 50.	Nghĩa vụ của người quản lý công ty	39
Điều 51.	Báo cáo thường niên	40
Điều 52.	Công khai thông tin về công ty cổ phần	40
Điều 53.	Công khai các lợi ích liên quan	40
<b>CHƯƠNG 5.</b>	<b>QUAN HỆ CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON</b>	<b>42</b>
Điều 54.	Người Đại diện vốn tại công ty con	42
Điều 55.	Quan hệ công ty Mẹ - Công ty con:	43
Điều 56.	Kiểm soát tài chính tại công ty con:	43
Điều 57.	Thu phí nhượng quyền:	44

Điều 58.	Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con	44
<b>CHƯƠNG 6.</b>	<b>TỔNG KẾT, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>46</b>
Điều 59.	Năm tài chính	46
Điều 60.	Phân phối lợi nhuận	46
<b>CHƯƠNG 7.</b>	<b>GIẢI THỂ-TRANH TỤNG</b>	<b>47</b>
Điều 61.	Chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi và giải thể Công ty; phương thức thanh lý tài sản	47
Điều 62.	Gia hạn hoạt động Công ty	47
Điều 63.	Phá sản Công ty	47
Điều 64.	Tranh tụng và giải quyết tranh chấp nội bộ trong công ty	48
<b>CHƯƠNG 8.</b>	<b>HIỆU LỰC THI HÀNH</b>	<b>i</b>
Điều 65.	Điều khoản thi hành	i
Điều 66.	Sửa đổi Điều lệ	i
Điều 67.	Đăng ký Điều lệ	i

# CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1 Trừ trường hợp các văn bản pháp luật hiện hành quy định khác hoặc các điều khoản của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Công ty": là Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong
- "Luật doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2006.
- "Vốn điều lệ của Công ty" là số vốn do các cổ đông góp và ghi tại điều lệ Công ty.
- "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp mà Công ty đầu tư.
- "Công ty con" là doanh nghiệp do Công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối.
- Công ty mẹ: là Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong khi sở hữu cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của công ty con
- "Công ty liên kết" là các doanh nghiệp mà Công ty góp vốn đầu tư dưới mức cổ phần chi phối/vốn góp chi phối.
- "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Công ty.
- "Nhóm công ty" là tập hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ, các công ty con và/hoặc các công ty liên kết.
- "Người Đại diện vốn tại công ty con" là người trực tiếp tham gia quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con, đáp ứng các yêu cầu tuyển chọn như quy định tại khoản 54.1 Điều 54 của Điều lệ này.
- "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.
- "Nhóm cổ đông liên kết" là nhóm cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

1.2 Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật khác hiện hành tại Việt nam thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

## Điều 2. Hình thức Công ty

2.1 Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong là một Công ty Cổ phần, tổ chức và hoạt động theo qui định của luật Doanh nghiệp đã được kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005

- 2.2 Nguồn vốn của Công ty là vốn góp của các cổ đông. Các cổ đông cùng chia nhau lợi nhuận cùng chịu lỗ tương ứng với các phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản mà Công ty nợ (nếu có) trong phạm vi giá trị cổ phần của mình sở hữu.
- 2.3 Lợi ích của cổ đông được pháp luật bảo hộ.
- 2.4 Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính, được mở tài khoản tại ngân hàng, được vay vốn ngân hàng, thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước trên cơ sở các qui định pháp luật hiện hành.

**Điều 3. Danh hiệu, trụ sở**

- 3.1 Tên công ty
  - Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
  - Gọi tắt là: Công ty TIÊN PHONG
  - Tên đối ngoại: Innovative Technology Development Corporation
  - Tên đối ngoại viết tắt: ITD Corporation
  - Trụ sở chính: số 10 đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- 3.2 Việc dời trụ sở trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải được Hội đồng quản trị quyết định. Nếu dời ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 3.3 Công ty sẽ mở chi nhánh, văn phòng giao dịch trong và ngoài nước tùy theo nhu cầu phát triển kinh doanh và được HĐQT chấp thuận.
- 3.4 Trong trường hợp cần lập thêm các đơn vị trực thuộc, Công ty sẽ làm đầy đủ các thủ tục theo luật định.

**Điều 4. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh**

- 4.1 Công ty được thành lập nhằm mục tiêu là:
  - a) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đầu tư tại Công ty và thông qua Công ty tại các doanh nghiệp khác;
  - b) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
  - c) Tìm kiếm, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới tại Việt nam nhằm nâng cao thương hiệu công ty và mở rộng thị phần
  - d) Phát triển các hướng kinh doanh mới để sử dụng một cách tối ưu nguồn vốn trong công ty.
  - e) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.
  - f) Liên doanh liên kết đối với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty, mở rộng thị trường khi cần thiết;

- 4.2 Công ty hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề sau đây:
- a) Sản xuất và mua bán hàng phục vụ sản xuất: máy móc vật tư, phụ tùng linh kiện phục vụ các ngành công nông nghiệp-xây dựng, thiết bị chống sét;
  - b) Sản xuất và mua bán thiết bị tin học phục vụ văn phòng, hàng điện tử các loại;
  - c) Đại lý ký gửi hàng hóa;
  - d) Thiết kế, lắp đặt, bảo trì các hệ thống điện công nghiệp, điện dân dụng, hệ thống điều khiển máy công nghiệp, hệ thống tin học, hệ thống chống sét;
  - e) Xây dựng công nghiệp và cho thuê: trường học, nhà cao tầng, nhà xưởng, kho hàng, nhà máy;
  - f) Tư vấn, đầu tư phát triển và ứng dụng các công nghệ kỹ thuật cao trong việc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;
  - g) Mua bán thiết bị viễn thông: cáp đồng trục, các loại anten cho thiết bị truyền dẫn viba, phát thanh truyền hình và các phụ kiện kèm theo;
  - h) Kết nối mạng internet, kinh doanh và làm đại lý cung cấp các dịch vụ internet;
  - i) Mua bán thiết bị đào tạo - dạy nghề. Mua bán và lắp đặt tổng đài điện thoại. Mua bán thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin.
  - j) Tư vấn kỹ thuật giải pháp chống ăn mòn kim loại bằng phương pháp điện hoá. Mua bán vật tư, thiết bị chống ăn mòn. Thi công lắp đặt hệ thống chống ăn mòn kim loại.
  - k) Hoạt động dịch vụ tiếp nhận vốn theo ủy thác đầu tư phát triển cho các dự án và sử dụng đúng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân ủy thác về qui trình kỹ thuật, nghiệp vụ và quản lý vốn đầu tư phát triển cho họ;
- 4.3 Khi cần thiết, Người đại diện theo pháp luật của công ty sẽ quyết định việc sửa đổi hoặc bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và thông báo cho HĐQT trong phiên họp gần nhất.

**Điều 5. Cổ đông sáng lập công ty**

Số TT	Họ và tên người sáng lập viên	NGÀY SINH	QUỐC TỊCH	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp
1.	Nguyễn Anh Dũng	01/09/63	VN	20376751	07/10/95	TP.HCM
Thường trú tại: 178/6 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, TP HCM						
2.	Lâm Thiệu Quân	14/10/63	VN	21695900	22/05/80	TP.HCM
Thường trú tại: 174 Trần Hưng Đạo B, phường 7, quận 5, tp Hồ Chí Minh						
3.	Đặng Thị Sâm	08/05/36	VN	22735215	26/09/89	TP.HCM
Thường trú tại: 16 Bùi Thị Xuân, phường 2, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh						
4.	Nguyễn Thị Lập	05/02/73	VN	23613105	01/11/97	TP.HCM
Thường trú tại: 60A Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, tp Hồ Chí Minh						
5.	Nguyễn Ngọc Như Uyên	20/02/78	VN	23166575	01/08/95	TP.HCM
Thường trú tại: 38A Cư xá Đô Thành, phường 3, quận 3, tp Hồ Chí Minh						
6.	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	01/07/71	VN	22083685	08/07/86	P.HCM
Thường trú tại: 698 Nguyễn Kiệm, phường 4, Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh						
7.	Lê Thị Phương Hà	21/01/63	VN	22101210	11/08/88	TP.HCM
Thường trú tại: 81/9 Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân Định, quận 3, tp Hồ Chí Minh						

**Điều 6. Thời hạn hoạt động**

Thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm.

**Điều 7. Người đại diện theo pháp luật**

Ông: Lâm Thiệu Quân

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 021695900 cấp ngày 04/12/2002 tại TP.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 174 Trần Hưng Đạo B, P.7, Q.5

Chỗ ở hiện tại: 174 Trần Hưng Đạo B, Phường 7, Quận 5

## CHƯƠNG 2. VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

### Điều 8. Vốn Điều lệ

8.1 Vốn Điều lệ được hạch toán và theo dõi theo một đơn vị tiền tệ duy nhất là đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 116.103.990.000 đồng (*Một trăm mười sáu tỷ một trăm lẻ ba triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng*), trong đó

a) Số vốn bằng tiền mặt: 116.103.990.000 đồng

b) Số vốn bằng hiện vật: 0

Vốn điều lệ công ty được chia thành 11.610.399 cổ phần

Vốn của Công ty được điều chỉnh theo sát tình hình hoạt động của từng thời kỳ để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty.

8.2 Tăng Vốn điều lệ

a) Tăng vốn:

Việc quyết định tăng vốn (do phát hành thêm cổ phiếu, tăng mệnh giá cổ phiếu, tăng từ các nguồn lợi nhuận hay các quỹ không chia) hoặc giảm vốn phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tiến hành theo đúng các thủ tục do các cơ quan chức năng quy định.

Khi có nhu cầu phát triển mở rộng các mặt hoạt động kinh doanh của mình, công ty có thể tăng vốn theo các phương thức sau:

- Tái đầu tư một phần hay toàn phần lợi nhuận Công ty.
- Phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của luật pháp trong quá trình thực hiện phát hành chứng khoán huy động vốn điều lệ.
- Chuyển các quỹ thành vốn điều lệ.
- Định giá lại tài sản Công ty.
- Phát hành cổ phiếu mới
- Tiếp nhận vốn góp của các cổ đông cũ.

b) Giảm vốn:

Công ty có thể giảm vốn (với điều kiện vốn Điều lệ mới không được thấp hơn vốn pháp định) trong các trường hợp sau:

- Do vốn quá dư phải hoàn trả bớt cho cổ đông.
- Do thua lỗ, vốn có thể bị giảm nên Công ty phải giảm vốn xuống vừa đủ cân bằng tài sản hiện có.
- Định giá lại tài sản Công ty (nếu giảm giá trị).

- Việc giảm vốn Điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường trên cơ sở vốn còn lại của Công ty.

#### **Điều 9. Vốn vay mượn**

Trong quá trình hoạt động, công ty được phép vay mượn vốn của các tổ chức, cá nhân để phục vụ cho hoạt động của mình. Các hình thức vay mượn vốn như phát hành trái phiếu; ký hợp đồng, khế ước vay mượn và các hình thức vay mượn khác được nhà nước cho phép.

Công ty có trách nhiệm sử dụng hiệu quả các khoản vốn vay và phải thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi cho các chủ nợ.

#### **Điều 10. Vốn khác**

Các quỹ như quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư, lợi nhuận được để lại tại công ty không chia trong quá trình hoạt động của công ty có thể được chuyển thành vốn Điều lệ trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của luật pháp hiện hành.

#### **Điều 11. Hình thức cổ phần, cổ phiếu**

11.1 Công ty có một hình thức cổ phần là: Cổ phần phổ thông. Trong tương lai, từng thời kỳ Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi.

Mệnh giá cổ phần phổ thông: 10.000 đồng/cổ phần

Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình với công ty theo quy định kèm theo việc sở hữu cổ phần ưu đãi.

11.2 Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này.

11.3 Hình thức cổ phiếu:

- a) Chứng chỉ Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu này là cổ phiếu có ghi tên.
- b) Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu sau đây.
  - Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân và/hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức.Đối với cổ phiếu có ghi tên;
  - Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

- Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
  - Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- 11.4 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.
- 11.5 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
- Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
- a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
  - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.
- 11.6 Phát hành cổ phiếu:
- Công ty được phát hành cổ phiếu tại trụ sở Công ty để chào bán và cổ phiếu phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán phải theo đúng quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

## **Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông**

- 12.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 12.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

- 12.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
- 12.4 Công ty phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền về danh mục cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày cổ đông có được tỷ lệ sở hữu đó.

### **Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

- 13.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:
- Cổ phần chào bán cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
  - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
  - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh khi phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán: trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu
- 13.2 Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
  - Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;
  - Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng

quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

13.3 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 12.2 Điều 12 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

13.4 Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 12.2 Điều 12 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

13.5 Chuyển nhượng cổ phần phổ thông

Việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông căn cứ hai trường hợp sau:

a) Cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 và khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp.

b) Trường hợp cổ đông mới (phát sinh sau đại hội cổ đông hàng năm) mà giao dịch để trở thành cổ đông lớn thì phải có sự chấp thuận của chủ tịch HĐQT.

Trong mọi trường hợp chuyển nhượng, phải ưu tiên cho công ty nếu công ty mua làm cổ phiếu Quỹ với mức giá bằng cổ đông khác mua.

Mọi giao dịch chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

13.6 Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.

13.7 Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

#### **Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

14.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

- 14.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 15. Cổ phiếu ngân quỹ và việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán để tạo lập cổ phiếu ngân quỹ theo quy định sau đây:

- 15.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán và bán ra số cổ phiếu ngân quỹ trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần và bán ra số cổ phiếu ngân quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- 15.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.;
- 15.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

**Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

- 16.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 16.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

- 16.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.
- 16.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

## **Điều 17. Cổ đông**

- 17.1 Cổ đông là chủ sở hữu một phần tài sản của Công ty tương ứng với số cổ phần mình nắm giữ, được chia lợi nhuận và chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào công ty.
- 17.2 Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tại Việt nam có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của công ty Mọi trường hợp ủy quyền hoặc thay đổi ủy quyền, cổ đông phải trực tiếp làm đơn gửi Hội đồng quản trị. Trường hợp một người đại diện cho một nhóm cổ đông thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ chấp nhận cho đại diện khi 100% số cổ đông trong nhóm có đồng ý đề nghị.
- 17.3 Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của công ty có chữ ký của các bên liên quan và gửi đến công ty trong thời hạn 3 ngày trước khi việc ủy quyền được thực hiện tiếp theo.
- 17.4 Quyền lợi của cổ đông
- Tham dự Đại hội đồng cổ đông (theo hình thức đại biểu) theo quy định tại điều khoản 25.1 Điều 25 của Điều lệ này, để biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác do HĐQT đề xuất trong phiên họp.
  - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
  - Được chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ này.
  - Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin của mình trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết có các quyền sau đây:

a) Đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

e) Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị cũ đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

#### 17.5 Trách nhiệm của cổ đông

a) Thanh toán đầy đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời gian quy định.

b) Tuân theo Điều lệ Công ty, giữ bí mật của Công ty, không làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và lợi ích khác của Công ty. Không tiết lộ cho bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về hoạt động của Công ty trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc khi được phép bằng văn bản của Hội đồng quản trị.

- c) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- d) Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần mình đóng góp.
- e) Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào, ngoài hình thức chuyển nhượng cổ phần theo qui định của Điều lệ Công ty.
- f) Chịu trách nhiệm bồi thường do vi phạm các điều khoản của Điều lệ này và các qui định khác của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty hoặc thành viên khác.

Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

- 17.6 Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết hoặc một cổ đông là pháp nhân chấm dứt hoạt động, thì những người thừa kế (đối với cá nhân) hoặc những người, hay tổ chức được kế thừa theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân) được thừa hưởng số cổ phần của cổ đông này.
- 17.7 Bất kỳ một nhà đầu tư nào muốn trở thành cổ đông của Công ty phải có nghĩa vụ tìm hiểu Điều lệ và các qui định có liên quan của Công ty. Việc trở thành cổ đông được hiểu rằng đã cam kết như sau:
- Tán thành Điều lệ hoạt động và các qui định có liên quan của Công ty
  - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi của cổ đông
- 17.8 Sự vỡ nợ, can án của cá nhân cổ đông không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

## **Điều 18. Trả cổ tức**

- 18.1 Công ty trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

- 18.2 Nếu công ty có những dự án khả thi mới có khả năng sinh lợi và có khả năng làm tăng giá cả chứng khoán của Công ty thì theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty sẽ không chia cổ tức cho cổ đông.
- 18.3 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 18.4 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

#### **Điều 19. Tham gia thị trường chứng khoán**

- 19.1 Công ty tham gia thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- 19.2 Trước khi trình đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định việc Công ty tham gia thị trường chứng khoán. Đại hội đồng cổ đông Công ty sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong đơn và các vấn đề liên quan khác

#### **Điều 20. Phát hành trái phiếu**

Công ty sẽ phát hành trái phiếu theo những quy định phù hợp với pháp luật.

- 20.1 Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 20.2 Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

## CHƯƠNG 3. THỂ THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 21. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

#### 21.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm được tổ chức một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a) Thông qua định hướng phát triển dài hạn của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế.
- d) Quyết định các dự án đầu tư, chuyển nhượng, bán, thuê, mua sắm tài sản có giá trị từ 50% vốn điều lệ của công ty trở lên;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
- f) Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát.
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- h) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- i) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ của năm tài chính mới.
- j) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- k) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty (nếu có).
- l) Quyết định tổ chức lại và/hoặc giải thể Công ty.
- m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật và Điều lệ công ty

#### 21.2 Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Trường hợp phát sinh các vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, trong vòng 30 ngày Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc nếu một trong những người hoặc nhóm người sau đây có yêu cầu:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị
- b) Ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị
- c) Trưởng Ban kiểm soát
- d) Tổng giám đốc
- e) Ít nhất 2/3 Ban kiểm soát
- f) Cổ đông lớn và/hoặc Nhóm cổ đông liên kết của Công ty
- g) Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - Quyết định chủ trương xử lý các vấn đề bất thường hoặc các tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng.
  - Bãi miễn, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
  - Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
  - Xử lý các vấn đề khẩn cấp.
  - Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty

21.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 21.2 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

21.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều - thì cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật .

Trong trường hợp này, cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

21.5 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật.

21.6 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tại các Điều -, 21.4 sẽ được công ty hoàn lại.

## **Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

22.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội

đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

- 22.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 22.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

- 23.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
- 23.2 Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 23.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 23.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 23.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 23.2 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 23.3; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 24. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

- 24.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

- 24.2 Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

#### **Điều 25. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 25.1 Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông sở hữu dưới 5.000 cổ phần của Công ty được khuyến khích uỷ quyền tham dự đại hội cổ đông. Cổ đông không thể tham dự có thể uỷ quyền cho một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sao cho có đủ 5.000 cổ phiếu để tham dự cuộc họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 17.2 Điều 17 của điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- 25.2 Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
- b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

- 25.3 Trừ trường hợp quy định tại khoản 25.2 điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

- 25.4 Quy định tại khoản 25.2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 25.3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

- 25.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

**Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- 26.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 67% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 26.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 26.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 26.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 26.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 26.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật doanh nghiệp.

**Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

- 27.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
- 27.2 Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
  - Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
  - Chủ toạ cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
  - e) Chủ tọa có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ của cổ động tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông;
- 27.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 27.4 Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 27.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- 27.6 Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
- 27.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 27.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- 27.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 27.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

**Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- 28.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 28.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - b) Thông qua định hướng phát triển công ty;
  - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 28.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 67% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
  - b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; thông qua các dự án đầu tư, chuyển nhượng, bán, thuê, mua sắm tài sản có giá trị từ 50% vốn điều lệ của công ty trở lên thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
  - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 28.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 28.5 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

28.6 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

**Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

29.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

29.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

29.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

29.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

29.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 29.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 29.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 29.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 30.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

- 30.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- 30.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 31.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- 31.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ CÔNG TY

### Điều 32. Hội đồng quản trị

- 32.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 32.2 Hội đồng quản trị có số lượng từ 03 đến 11 thành viên. Các thành viên được trúng cử hoặc bãi miễn với đa số phiếu tại Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức trực tiếp hay bỏ phiếu kín.
- 32.3 Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông bầu với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết
- 32.4 Thành viên HĐQT là những người mà pháp luật và điều lệ không cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty trong TH sau đây:
- Là đại diện vốn của các thể nhân là cổ đông của công ty.
  - Là cá nhân có năng lực và uy tín trong xã hội, được HĐQT nhiệm kỳ cũ tiến cử với đa số phiếu hoặc bởi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

Phương thức bầu thành viên HĐQT là bầu dồn phiếu. Việc đề cử ứng viên HĐQT theo nguyên tắc sau đây:

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng: đề cử 01 thành viên;
- Từ 10% đến dưới 30%: đề cử 02 thành viên;
- Từ 30% đến dưới 50%: đề cử 03 thành viên;
- Từ 50% đến dưới 65%: đề cử 04 thành viên;
- Từ 65% trở lên: đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết thì HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Nếu HĐQT không giới thiệu được ứng viên thì Chủ tọa Đại hội được quyền giới thiệu bổ sung ứng viên và trình Đại hội thông qua Danh sách đề cử ứng viên HĐQT.

Trong trường hợp Đại hội bầu không đủ số lượng thành viên HĐQT cần thiết (không đủ tỷ lệ 67%) thì Chủ tọa Đại hội có thể giới thiệu bổ sung ứng viên thành viên HĐQT và Đại hội cổ đông sẽ tiến hành bầu cử.

- 32.5 Thành viên trong Hội đồng Quản trị phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được bầu, 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo và 20% số cổ phiếu này trong

suốt thời gian đương nhiệm còn lại. Khi chuyển nhượng phải thông báo cho các cổ đông trước 07 ngày thực hiện giao dịch.

- 32.6 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Hai năm một lần bầu lại 1/3 số thành viên hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, cổ đông có thể bãi miễn và bầu thành viên mới thay cho thành viên bị bãi miễn. Giữa hai kỳ Đại hội mà khuyết thành viên nếu xét thấy cần thiết thì Hội đồng quản trị có thể quyết định chọn thành viên viên lâm thời thay thế theo hình thức bỏ phiếu lấy quá bán và sau đó phải trình ra Đại hội đồng cổ đông kế tiếp quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- 32.7 Trường hợp khuyết 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ thành viên tối thiểu theo qui định của Điều lệ Công ty thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
- 32.8 Giúp việc Hội đồng quản trị có thể có các cố vấn và thư ký, do Hội đồng quản trị lựa chọn trong cổ đông hoặc thuê ngoài. Hội đồng quản trị quy định số lượng, nhiệm vụ và thù lao của cố vấn và thư ký.

### **Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

#### 33.1 Quyền hạn:

- a) Nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- c) Quyết định các dự án đầu tư, chuyển nhượng, bán, thuê, mua sắm tài sản có giá trị từ 10% đến 50% vốn điều lệ. Quyết định các hợp đồng vay hoặc cho vay có giá trị từ 25% vốn điều lệ trở lên. Quyết định các hợp đồng kinh tế có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên.
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp khác
- e) Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức các Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- f) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- g) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

- h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 15.1 Điều 15 của Điều lệ này;
- i) Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho tổng giám đốc. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm luôn Tổng giám đốc, thì lương của Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định tiền lương, tiền thưởng cho Đại diện vốn tại các công ty con do Tổng giám đốc đề nghị.
- j) Ấn định việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia lợi tức cổ phần và cách thức sử dụng các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và chấp thuận đề nghị bổ nhiệm/miễn nhiệm của Tổng giám đốc đối với các Đại diện vốn tại các công ty con và công ty mà Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong có cổ phần/phần vốn góp; các giám đốc của công ty mẹ.
- l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của công ty;
- m) Chấp thuận đề nghị của Tổng Giám Đốc về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định thành lập Công ty 100% vốn của mình; Quyết định trở thành cổ đông có cổ phần chi phối trong công ty khác; Lập chi nhánh văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- n) Xem xét sai phạm của Tổng giám đốc, đại diện vốn tại các công ty con gây thiệt hại cho Công ty và thực thi các biện pháp cần thiết để khắc phục.
- o) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- p) Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
- q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- r) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

### 33.2 Trách nhiệm:

- a) Quản trị Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- b) Xây dựng phương án tổ chức quản lý kinh doanh, bộ máy quản lý, kiểm tra giám sát Tổng Giám đốc công ty mẹ, Chủ tịch và các thành viên là người của mình trong Hội đồng Quản trị và/hoặc Hội đồng Thành viên công ty con, người đại diện vốn góp của công ty tại các công ty con trong việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- c) Trình Đại hội đồng Cổ đông các vấn đề không thuộc quyền quyết định của Hội đồng Quản trị như:
  - Định hướng hoạt động kinh doanh, huy động vốn.
  - Tăng, giảm vốn Điều lệ và mệnh giá cổ phiếu.
  - Phương án xây dựng và trang bị cơ sở vật chất-kỹ thuật.
- d) Trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán hàng năm, báo cáo tài chính, lãi lỗ, công nợ, phương án phân phối lợi nhuận, chia lợi tức cổ phần, v.v. do Tổng Giám đốc đề trình.

33.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

33.4 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

#### **Điều 34. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- 34.1 Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 34.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 34.3 Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 34.2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 34.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp nếu

Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

- 34.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

- 34.6 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 34.7 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

- 35.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.  
Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

35.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

35.3 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

### **Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

36.1 Tham dự các cuộc họp HĐQT, được quyền phát biểu ý kiến, thảo luận, biểu quyết và chịu trách nhiệm về các ý kiến, biểu quyết của mình liên quan đến các vấn đề trong chương trình làm việc của HĐQT.

36.2 Được nhận thù lao công việc và tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao này được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

36.3 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

36.4 Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong công ty theo nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.

36.5 Tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại Hội đồng Cổ Đông, Nghị quyết của HĐQT và các quy định của pháp luật.

36.6 Thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, các công việc do Chủ tịch HĐQT phân công và chỉ đạo thực hiện.

36.7 Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp xây dựng phương hướng phát triển, hoạt động kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

36.8 Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề về tài chính của Công ty .

36.9 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

- 37.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 32.4 Điều 32 của điều lệ này, mất tư cách pháp nhân hoặc tư cách người đại diện cho pháp nhân, chết;
  - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn xin từ chức;
  - d) Vi phạm các quy định, Điều lệ của công ty, vi phạm pháp luật hoặc có những hành vi gây thiệt hại và/hoặc ảnh hưởng xấu đến uy tín công ty và cá nhân khác.
- 37.2 Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 37.1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 37.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 38. Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 38.1 Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu theo quy định tại khoản 32.3 Điều 32 trong Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty.
- 38.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 38.3 Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi các công việc của Chủ tịch được quy định trong Điều lệ này trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

- 38.4 Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 38.5 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ Tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị họp để xem xét và quyết định.
- 38.6 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định trong Điều lệ này thì Phó Chủ tịch đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu.
- 38.7 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định trong Điều lệ này, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại phải cử ngay một người đảm nhiệm công việc của Chủ tịch.

### **Điều 39. Ban kiểm soát**

- 39.1 Ban kiểm soát có tối đa năm thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát bằng nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Việc đề cử và phương thức bầu thành viên BKS cũng được đề cử và bầu như thành viên HĐQT.
- Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết thì BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Nếu BKS không giới thiệu được ứng viên thì HĐQT được quyền giới thiệu bổ sung ứng viên và trình Đại hội thông qua Danh sách đề cử ứng viên BKS.
- Trong trường hợp Đại hội bầu không đủ số lượng thành viên BKS (không đủ 67%) Chủ tọa Đại hội có thể giới thiệu ứng viên thành viên BKS và Đại hội cổ đông tiến hành bầu cử.
- 39.2 Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
- 39.3 Thành viên trong Ban Kiểm Soát phải nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày được bầu, 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo và 20% số cổ phiếu này trong suốt thời gian đương nhiệm. Khi chuyển nhượng phải thông báo cho các cổ đông trước 07 ngày thực hiện giao dịch.

#### **Điều 40. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

- 40.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 40.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 40.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 40.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết.
- Khi có yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông liên kết có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 40.5 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 40.6 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định tại Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 40.7 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
- 40.8 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Thù lao và chi phí này được tính vào chi phí kinh doanh

của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

40.9 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

40.10 Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

41.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

41.2 Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

41.3 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

41.4 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

#### **Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

42.1 Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

42.2 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

#### **Điều 43. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**

43.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- 43.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
- 43.3 Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 43.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 43.5 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 43.6 Trường hợp Ban Kiểm soát có những hành vi phạm những quy định của công ty và/hoặc tại Điều lệ này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do hành vi vi phạm nêu trên đều thuộc sở hữu của công ty.

#### **Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát**

- 44.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 42, mất tư cách pháp nhân hoặc tư cách người đại diện cho pháp nhân, chết;
  - Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Có đơn xin từ chức;
  - Vi phạm các quy định, Điều lệ của công ty, vi phạm pháp luật hoặc có những hành vi gây thiệt hại và/hoặc ảnh hưởng xấu đến uy tín công ty và cá nhân khác.
- 44.2 Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 44, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 44.3 Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

#### **Điều 45. Thư ký công ty:**

- 45.1 Hội đồng quản trị chỉ định một hoặc một số thành viên của Công ty làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể số lượng Thư ký Công ty;

45.2 Thư ký Công ty có nhiệm vụ:

- a) Thường xuyên liên hệ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, tập hợp các thông tin, số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các vấn đề khác của Công ty để phản ánh kịp thời cho Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị.
- b) Tập hợp, chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Soạn thảo, xây dựng bản dự thảo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Thực hiện nhiệm vụ Thư ký cho các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, lập biên bản họp Hội đồng quản trị và lưu giữ các biên bản này;
- e) Cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị phục vụ công tác của Ban Kiểm soát khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản;
- f) Quản lý sổ đăng ký cổ đông, theo dõi quá trình chuyển nhượng và chia cổ tức

**Điều 46. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty:**

- 46.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
- 46.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 46.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

**Điều 47. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty.

## **Điều 48. Tổng giám đốc**

48.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

48.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

- a) Tốt nghiệp đại học hoặc tương đương; có ít nhất 02 năm công tác trên cương vị giám đốc hoặc phó giám đốc Công ty; có kiến thức, kinh nghiệm về hoạt động kinh doanh.
- b) Tổng giám đốc công ty được phép kiêm nhiệm quản lý, điều hành tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ ở công ty khác với điều kiện không có mâu thuẫn quyền lợi giữa các công ty và vị trí quản lý; được Hội đồng quản trị chấp thuận.

48.3 Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Quyết định các dự án đầu tư, chuyển nhượng, bán, thuê, mua sắm tài sản có giá trị dưới 10% vốn điều lệ. Quyết định các hợp đồng vay hoặc cho vay có giá trị dưới 25% vốn điều lệ. Quyết định các hợp đồng kinh tế có giá trị dưới 50% vốn điều lệ.
- c) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Tuyển dụng lao động;
- f) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- i) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- j) Trình Hội đồng quản trị các báo cáo tình hình hoạt động tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.
- k) Nghiên cứu và đề nghị các phương án, biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động và phát triển của Công ty có liên quan tới cổ đông và Điều lệ công ty..

- l) Được quyền từ chối các quyết định của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty đồng thời thông báo ngay cho Ban kiểm soát.
  - m) Duyệt tất cả các khoản chi của Công ty ngoại trừ các khoản tự chi.
  - n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 48.4 Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- 48.5 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc bằng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
- 48.6 Khi chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc đương nhiệm Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ các điều kiện qui định tại khoản 48.2 Điều 48 Bản Điều lệ này để đảm nhận công việc của Tổng Giám đốc.
- 48.7 Trong thời hạn tối đa 90 ngày, Hội đồng quản trị phải tìm ngay người thay thế, tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

#### **Điều 49. Lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc**

Lương và các khoản khen thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị ấn định. Lương và các khoản khen thưởng của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **Điều 50. Nghĩa vụ của người quản lý công ty**

- 50.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của công ty;
  - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ

phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

50.2 Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

**Điều 51. Báo cáo thường niên**

51.1 Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

51.2 Các báo cáo và tài liệu quy định phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông

**Điều 52. Công khai thông tin về công ty cổ phần**

52.1 Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

52.2 Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

52.3 Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

**Điều 53. Công khai các lợi ích liên quan**

53.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

53.2 Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

53.3 Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ

đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

- 53.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

## CHƯƠNG 5. QUAN HỆ CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON

Quan hệ của Công ty CP Tiên phong và Công ty Con được thực hiện thông qua Người đại diện vốn tại công ty con. Người đại diện vốn tại công ty con bằng quyền của cổ đông chi phối hoặc người góp vốn chi phối để định hướng hoạt động của công ty con theo định hướng đề ra của công ty và theo các điều khoản liên quan được nêu trong chương này.

### Điều 54. Người Đại diện vốn tại công ty con

Người đại diện vốn sẽ ký hợp đồng làm việc với công ty. Hợp đồng này sẽ được sự chấp thuận của HĐQT.

#### 54.1 Tiêu chuẩn và điều kiện của Người Đại diện vốn tại công ty con

- Là cán bộ quản lý của Công ty CP Tiên phong;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ;
- Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn về tài chính hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của công ty con của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; Đại diện vốn chi phối của Công ty ở các công ty con liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;
- Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;

#### 54.2 Quyền hạn và trách nhiệm của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con

##### a) Quyền hạn:

- Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại công ty con. Sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Công ty;
- Trực tiếp tham gia ứng cử và/hoặc đề cử người của mình vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó;

##### b) Trách nhiệm

- Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con;
- Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối tại công ty con của Công ty;
- Xin ý kiến Tổng giám đốc trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn HĐQT và các vấn đề khác dự kiến đề xuất thảo luận tại cuộc họp.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở công ty con được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.
- 54.3 Quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở công ty con
- Đại diện vốn của Công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.
- 54.4 Người đại diện vốn góp trong mọi trường hợp phải theo quyết định của công ty mẹ.
- Người đại diện vốn góp phải chịu trách nhiệm về những tổn thất của công ty mẹ nếu tự ra những quyết định mang tính lợi ích cá nhân gây ảnh hưởng bất lợi cho công ty.

**Điều 55. Quan hệ công ty Mẹ - Công ty con:**

Thông qua vai trò Người đại diện vốn của công ty mẹ tại công ty con, công ty mẹ sẽ hỗ trợ công ty con các việc sau:

- 55.1 Định hướng chiến lược kinh doanh công ty con theo chiến lược kinh doanh của Công ty mẹ và phù hợp với Điều lệ thành lập của công ty con.
- 55.2 Phối hợp giữa các công ty con để tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng công ty con không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả kinh doanh thấp hơn so với không có sự phối hợp giữa công ty mẹ và/hoặc các công ty con
- 55.3 Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của các công ty con và của cả công ty mẹ.
- 55.4 Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh
- 55.5 Thực hiện các quyền chi phối đối với các công ty con theo điều lệ công ty con nhưng không được lạm quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan đến công ty con đó.
- 55.6 Kết hợp các công ty con cùng với công ty mẹ khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên của Công ty và/hoặc của các công ty con để tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả chung
- 55.7 Chỉ đạo các công ty con trong việc tổ chức quản trị quản lý tài chính kế toán, nhân sự; quản lý chất lượng theo các hợp đồng dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật và nhượng quyền sử dụng thương hiệu cụ thể với từng công ty.

**Điều 56. Kiểm soát tài chính tại công ty con:**

56.1 Công ty mẹ và công ty con cùng thống nhất cử nhân viên của công ty mẹ hoặc thuê dịch vụ ngoài để tiến hành thực hiện kiểm toán các công ty con theo định kỳ ít nhất 1 năm 1 lần.

Việc kiểm toán sẽ tuân theo các chuẩn mực và thông tư hướng dẫn về kiểm toán của nhà nước bao gồm kiểm tra việc ghi chép kế toán và sổ sách tài chính kế toán; kiểm tra tính tuân thủ các qui chế, qui định của công ty mẹ (nếu được áp dụng tại công ty con); các qui chế, qui định của công ty con và điều lệ công ty con.

56.2 Các công ty con phải báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.

56.3 Giám sát việc sử dụng vốn tại các công ty con trong quá trình hoạt động thông qua:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm
- b) Xây dựng các Quy định, Quy chế công ty con về chi phí hoạt động theo chuẩn mực của công ty mẹ
- c) Kiểm toán chặt chẽ việc ký duyệt chi phí theo Quy định Quy chế công ty con đề ra, các chi phí có tính chất phân bổ nhiều kỳ, các khoản ký quỹ ký cược.

#### **Điều 57. Thu phí nhượng quyền:**

57.1 Công ty mẹ sẽ thu phí nhượng quyền các công ty con, công ty liên kết (nếu đã có thoả thuận đồng ý với các công ty liên kết)

57.2 Phí nhượng quyền sẽ được thể hiện trên hợp đồng nhượng quyền không hủy ngang giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết chịu phí nhượng quyền này.

57.3 Công ty sẽ thu phí nhượng quyền theo phương thức như sau:

- Phí nhượng quyền thu các công ty con, công ty liên kết chịu phí nhượng quyền bao gồm 1% trên doanh thu thuần (nhưng không vượt quá 750 triệu/năm/công ty) và 3,5% lợi nhuận ròng của công ty chịu phí nhượng quyền.
- Đối với các công ty con và công ty liên kết có suất sinh lời trên tổng vốn tự có (ROE - vốn tự có được hiểu là vốn điều lệ cộng lợi nhuận giữ lại đầu năm) dưới 12%/năm, công ty sẽ không thu phí nhượng quyền này.
- Phí nhượng quyền không áp dụng đối với các hoá đơn xuất bán nội bộ giữa các công ty trong nhóm công ty.

57.4 Công ty sẽ hạch toán phí nhượng quyền như khoản doanh thu của công ty

#### **Điều 58. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con**

58.1 Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty theo quy định của pháp luật về kế toán;
- b) Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của nhóm công ty;
- c) Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm công ty.

Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định trên chưa được lập và đệ trình các báo cáo nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.

- 58.2 Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để công ty mẹ lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.

Trường hợp không biết hoặc không nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo thì người quản lý công ty mẹ sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm công ty.

- 58.3 Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của công ty mẹ, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.

## **CHƯƠNG 6. TỔNG KẾT, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 59. Năm tài chính**

- 59.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty thành lập và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.
- 59.2 Công ty hạch toán theo đúng thể lệ thống kê kế toán hiện hành và tổ chức theo dõi nội bộ hoạt động kinh doanh của các công ty con.
- 59.3 Cuối mỗi niên khóa Công ty lập các báo cáo:
- Bảng tổng kết tài sản của Công ty
  - Bảng cân đối tài sản vào ngày 31/12
  - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
  - Các báo cáo quy định tại khoản 58.1 Điều 58 Điều lệ này
- 59.4 Sau Đại hội các văn bản này cùng biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả chứng từ phụ thuộc phải được lưu theo quy định pháp luật .

### **Điều 60. Phân phối lợi nhuận**

- 60.1 Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Công ty sẽ tiến hành trích lập các loại quỹ theo quy định của pháp luật và theo Đại hội đồng cổ đông gồm các quỹ sau: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư, quỹ nghiên cứu phát triển, quỹ đào tạo, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng
- 60.2 Số lợi tức còn lại được chia cho các cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 60.3 Tùy thuộc vào tình hình kinh doanh cho phép, từng quý Hội đồng quản trị có thể ứng trước cổ tức cho các cổ đông.

## CHƯƠNG 7. GIẢI THỂ-TRANH TỤNG

### **Điều 61. Chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi và giải thể Công ty; phương thức thanh lý tài sản**

- 61.1 Việc chia, tách, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức hoặc giải thể công ty phải được Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty xem xét và quyết định chỉ có hiệu lực khi được thông qua bởi các cổ đông sở hữu ít nhất 75% vốn Điều lệ tán thành.
- 61.2 Công ty có thể được xem xét giải thể trong trường hợp sau:
- Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Công ty
  - Hoàn thành mục tiêu đã định.
  - Mục tiêu của công ty không thể thực hiện được.
  - Công ty lỗ đến  $\frac{3}{4}$  vốn Điều lệ.
- 61.3 Trong trường hợp Công ty lỗ đến  $\frac{3}{4}$  vốn Điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định giải thể hay không giải thể công ty.
- 61.4 Ngoài ra, khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị cũng có thể đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định việc giải thể Công ty hoặc chi nhánh của Công ty, công ty con 100% của Công ty hoặc rút vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác. Việc giải thể Công ty trong bất cứ trường hợp nào đều phải được sự đồng ý của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% số vốn Điều lệ của Công ty ngoại trừ trường hợp công ty bị giải thể theo quyết định đình chỉ hoạt động của tòa án hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty hết hạn hoạt động nhưng không gia hạn thêm.
- 61.5 Khi giải thể Công ty, việc thanh lý tài sản Công ty theo phương thức sau:
- Đại hội đồng cổ đông lập ra Ban Thanh lý tài sản Công ty. Ban này hoạt động theo quy định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian qui định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
  - Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.
  - Sau khi thanh toán hết các khoản nợ theo tuân tự được quy định bởi pháp luật, các tài sản còn lại của Công ty được chia lại cho các cổ đông hoặc thanh lý và chia.

### **Điều 62. Gia hạn hoạt động Công ty**

Khi Công ty hết hạn hoạt động, tùy theo hoàn cảnh lúc đó, Đại hội bất thường có toàn quyền quyết định gia hạn trình lên cơ quan có thẩm quyền xét.

### **Điều 63. Phá sản Công ty**

- 63.1 Khi lâm vào tình trạng phá sản, Công ty phải thực hiện theo các quy định của pháp luật.
- 63.2 Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, kể cả hoãn nợ mà doanh nghiệp vẫn không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Tổng Giám đốc phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị nộp đơn đến Tòa án nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản của doanh nghiệp. Khi đó Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị không được phép từ bỏ trách nhiệm của mình.
- 63.3 Các thành viên khác có quyền yêu cầu phá sản theo quy định của Luật phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

**Điều 64. Tranh tụng và giải quyết tranh chấp nội bộ trong công ty**

- 64.1 Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi việc xử lý các tranh tụng liên quan đến nội bộ Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước có chức năng và được giải quyết theo quy định hiện hành.
- 64.2 Mọi cổ đông có quyền đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ ai trong Công ty gây ra cho mình. Mọi tranh chấp nội bộ liên quan đến hoạt động của Công ty và cổ đông được Hội đồng quản trị đứng ra giải quyết trước hết bằng thương lượng hòa giải giữa các bên tranh chấp. Nếu hòa giải không thành hoặc Hội đồng quản trị không đứng ra giải quyết thì cổ đông có quyền khởi kiện ra trước cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG 8. HIỆU LỰC THI HÀNH**

### **Điều 65. Điều khoản thi hành**

Công ty được thành lập ngay sau khi được Sở kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động khi đại hội thành lập đã làm đủ các thủ tục dưới đây:

- a) Xác nhận danh sách cổ đông sáng lập đã mua hết các cổ phiếu phát hành và đóng đủ tiền theo Điều lệ Công ty và qui định của nhà nước.
- b) Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, đã ấn định tiền thù lao cho họ trong niên khóa đầu và họ đã chấp nhận nhiệm vụ.
- c) Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và chấp nhận toàn bộ bản Điều lệ của Công ty.
- d) Đã giao quyền điều khiển Công ty cho Hội đồng quản trị.
- e) Làm thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật lệ hiện hành

### **Điều 66. Sửa đổi Điều lệ**

Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có những khoản nào trong bản Điều lệ này không còn thích hợp với hoàn cảnh mới, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét sửa đổi, bổ sung và đăng ký tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 67. Đăng ký Điều lệ**

- 67.1 Bản Điều lệ này gồm 08 chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua từng điều, từng chương và chấp thuận toàn bộ, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau để nộp cơ quan có thẩm quyền và lưu trữ tại trụ sở Công ty.
- 67.2 Mọi sự sao chép, trích lục phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nếu không phải là do Phòng Công chứng cấp.
- 67.3 Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2009 và có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 03 năm 2009.

**Thư ký công ty**

**Xác nhận nội dung  
Chủ tọa**

**ĐÀO THÙY DƯƠNG**

**NGUYỄN ANH DŨNG**